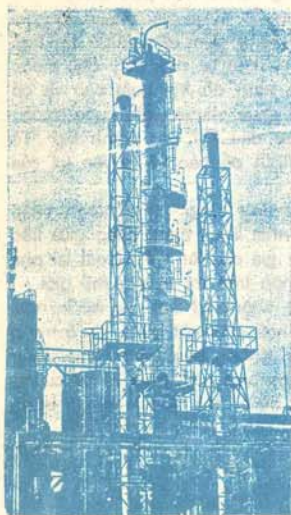


KINH TẾ TÀI CHÍNH THẾ GIỚI: VIỄN TƯỢNG 1991.

DẦU HỎA

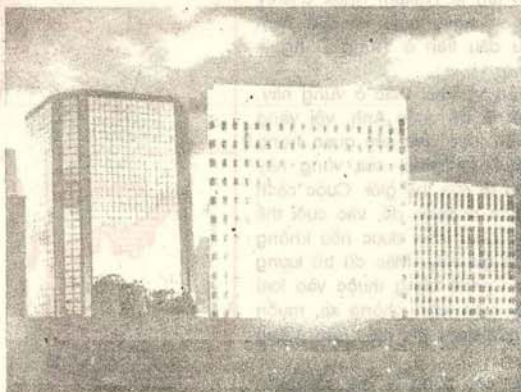
Không có dầu hỏa sẽ không có nền kinh tế, ông vua dầu hỏa Rockefeller, người sáng lập công ty dầu Standard Oil, đã từng nói như thế. Câu nói này càng đúng trong bối cảnh hiện tại khi mà các tin tức từ vùng Vịnh ngày càng ảnh hưởng đến đồ biểu hình dạng của giá dầu hỏa. Nhìn lại năm 1990, một năm đầy lo âu từ ngày 2-8, sẽ thấy, trở trêu thay, sản lượng dầu hỏa vẫn đã tăng 1,19% so với năm trước, đạt 3,1 tỉ tấn, tức 65 triệu thùng/ngày (Les Échos 25.1.1991), mặc cho Iran cấm vận dầu hỏa Irak và Koweit, mặc cho sản lượng dầu của Liên Xô có giảm. các nước OPEC chiếm 38,8% sản lượng này với 1,2 tỉ tấn (tăng 5,4%). Liên Xô vẫn giữ chức vô địch với 18% sản lượng thế giới nhưng đã giảm 6,2% từ 607 triệu tấn năm 89 còn 569 triệu tấn. Mỹ cũng giảm 3,8% còn 409 triệu tấn. Anh quốc duy trì được sản lượng 93,5 triệu tấn của mình. Na Uy tăng 8,7% để đạt 81 triệu tấn.



Sản xuất là một đàng, giá thành là một lẽ, và giá bán lại là... trong tay Mỹ! và Mỹ thì tùy thuộc nơi một kết cục của cuộc chiến vùng Vịnh. Muốn hay không muốn, phương Tây không thể không cần đến dầu hỏa của vùng Vịnh. Bernard Pichi, chuyên viên phân tích của Salomon Brothers, dự báo: "Mỹ có thể thắng trận nhưng mất đi nền hoà bình. Sau chiến tranh, sẽ phải mất từ sáu tháng đến một năm để có thể ổn định hoá chính trị tại Trung Đông. Do đó, việc cung cấp dầu sẽ bị đảo lộn". Cũng trong giả thuyết phe đa quốc gia thắng trận đó, giá dầu lúc đầu sẽ xuống đến mức 10 dollars/thùng trước khi có thể trở lên 20 dollars/thùng một cách dài hạn. Cần nhớ rằng giá thành dầu hỏa ở Ả-rập Sau-di cho đến trước 2.6.90 chỉ dưới 4 dollars/thùng, thành ra giá dầu Ả-rập Sau-di sẽ chi phối giá dầu thế giới. Còn trong trường hợp rủi ro nhất thì sao? Nếu 360 giếng dầu ở Koweit bốc cháy thì sao? Để dập tắt một giếng dầu bị cháy, ít nhất phải mất từ 3 đến 4 tuần.

Từ những dự báo trên, mỗi nước tất yếu phải có những suy nghĩ và hành động thích nghi.

MỸ



Bộ Ngân khố và Quốc hội Mỹ đang gấp rút tiến hành những cải cách ngân hàng theo hướng tăng cường tập trung chỉ đạo và quản lý 12.000 cơ sở ngân hàng và tín dụng. Thậm chí, một số ngân hàng đã tự động sát nhập với nhau mà không cần đợi một chính sách chủ trương trung ương. Như ngân hàng đứng hàng đầu của Mỹ Citicorp chẳng hạn. Mục tiêu nhắm đến là qua đó giảm 1,5 tỉ dollars chi phí khai thác,

tăng vốn 50% trong thời gian hai năm tới. Thế nhưng muốn gì thì muốn, Quỹ Bảo đảm Liên bang FDIC sẽ bỏ chi 5 tỉ dollars trong khi tích sản sẽ chỉ là 4 tỉ dollars. Để cho Quỹ Bảo đảm này đủ hữu hiệu sẽ cần đến 25 tỉ dollars vốn huy động từ sự đóng góp của các ngân hàng. Thành ra, sẽ có khả năng, các ngân hàng nhỏ và nhỏ sẽ mất tích, chỉ còn lại các ngân hàng lớn.

Trong một góc độ khác, nền kinh tế Mỹ năm 1990 với mức tăng trưởng PNB và sản lượng công nghiệp không đáng kể trong khi chỉ số giá cả tăng 5,5% không cho phép lạc quan về năm 1991. Nếu chấp nhận bài toán: chỉ tiêu trong tiêu thụ chiếm 2/3 PNB của Mỹ thì phải tính đến mức thu nhập của người Mỹ trung bình. Nếu trong năm 1989, một gia đình Mỹ trung bình với hai đầu lương và bốn miệng ăn (hai người con) là 41572 dollars (đã trừ thuế) thì năm 1990 vừa qua, số thu nhập này hụt đi 442 dollars (đó là chưa tính đến thuế địa phương và tiểu bang). Cộng với mối đe dọa thất nghiệp tăng, mức tiết kiệm giảm hiện đang ở mức 4% thu nhập. Từ đó có thể thấy triển vọng tiền vốn đầu tư từ nơi các cơ sở tiết kiệm sẽ chẳng sáng sủa gì. Thế sao chỉ số Dow Jones đang tăng cao, 2659,40 điểm chiều thứ sáu 25.1.1991, so với ngày cuối năm 1988 mới chỉ là 2168 điểm? Đừng quên rằng chỉ số Dow Jones chỉ biểu hiện cho 30 công ty hàng đầu chứ không phải của cả nền công nghiệp Mỹ, và trong những ngày này, những công ty hàng đầu đó là Mc

QUỐC TẾ °

Donnel Douglas, General Dynamics, hai nhà sản xuất tên lửa Tomahawk; là công ty Raytheon sản xuất tên lửa Patriot. Cổ phiếu của Mc Donnel Douglas tăng 4 1/8 dollars, của General Dynamics tăng 4 dollars, của Raytheon tăng 4 5/8 dollars... trong khi cổ phiếu của công ty mỏ Minnesota Mining sụt 4 dollars (De Figaro 26-27.1.1991)

CHÂU ÂU 12 NƯỚC

Trước tiên là nước Đức thống nhất, nước đầu đàn của châu Âu. Ngày 11.1.1991, Otto Schlecht, bộ trưởng kinh tế đã loan báo mức tăng trưởng của nước Đức trong năm 90 là +4,6%, một kỷ lục kể từ năm 1976. Thế còn năm 91 này? Otto Schlecht dự đoán mức tăng trưởng sẽ là +3%. Điều đó sẽ cho phép tạo thêm 500.000 chỗ làm mới. Thế nhưng ngân sách Đức sẽ thâm thủng 150 tỉ Đức mã, tức gấp 3 lần mức thâm thủng của Pháp.

Vấn đề thứ nhì là châu Âu 12 nước thống nhất tiền tệ. Bản tin dài Pháp R.F.I chiều 28.1.91 cho biết bộ trưởng tài chính châu Âu 12 nước vẫn tiếp tục tranh cãi về tương lai của một đồng ECU, đơn vị của tiền tệ thống nhất. Không những chỉ tranh cãi mà còn là phân hóa. Hiện đang có đến năm bản kế hoạch được đưa ra từ 12 nước! Đáng kể nhất là bản kế hoạch mang tên Delors của Pháp thiên về một đồng ECU duy nhất với vai trò được tăng cường kể từ 1994. Bản kế hoạch của Anh chủ trương ngược lại: không đồng qui tiền tệ vào đồng ECU duy nhất mà tạo nên một đồng tiền thứ 13 lưu hành song song với đồng tiền mỗi nước. Một tranh cãi khác nữa là đề nghị của Pháp nhằm hình thành một bộ máy chính quyền kinh tế châu Âu đối trọng với hệ thống ngân hàng của châu Âu. Một vấn đề khác nữa không phải để tranh cãi mà để giải quyết sớm là vấn đề phải nâng mức phát triển kinh tế của các nước lên sao cho tương đối đồng đều. Nghĩa là một châu Âu hợp nhất vẫn còn lắm nỗi nhiều khê.

Trên một phương diện khác, tỉ lệ thất nghiệp tại châu Âu 12 nước rất khác biệt, 8,3% dân số lao động đang thất nghiệp. Đức và Bồ Đào Nha có những tiến bộ đáng kể trong sáu tháng cuối năm 1990, giảm từ 1/4 đến 1/2 phần trăm, trong khi Anh và Luxembourg tăng trong mức độ tương tự.

LIÊN XÔ

Chủ tịch Ngân hàng Thế giới Barber Conable hôm 24.1.91 tuyên bố hết sức rõ ràng: "Trước đây chúng tôi đã sẵn sàng cứu xét, các bước thủ tục cho Liên Xô gia nhập vào Ngân hàng Thế giới, nhưng nay thì chúng tôi đã ngưng những việc nghiên cứu này, rồi". Câu nói này có thể tóm tắt tình hình những quan hệ kinh tế tài chính của Liên Xô và phương Tây. Có hai lý do giải thích việc "đóng cửa" với nhau này: 1. Liên Xô vẫn chưa bước hẳn qua kinh tế thị trường, một cách mau lẹ. 2. Bản thân một số chính phủ phương Tây không hoan hỉ lắm với việc Liên Xô gia nhập Ngân hàng Thế giới, mà cụ thể là nếu Liên Xô tham gia góp vốn cho Ngân hàng Thế giới ở tỉ lệ từ 4 đến 5%, một số quốc gia sẽ mất ảnh hưởng trong định chế quốc tế này.

Trên bình diện tổng thu nhập quốc dân, trong năm 1990 mức tăng trưởng là 3%, trong năm 1991 này sẽ giảm 1,5%. Kế hoạch năm 1991 vạch ra chỉ tiêu tăng lợi tức dân chúng 11,1%, tăng sản lượng hàng tiêu dùng 4,4%. Biện pháp đối tiền mới đây, ngày 22.1 vừa qua, chính là nhằm giảm thiểu mức chênh lệch quá lớn giữa khối lượng tiền nhân rồi không sử dụng. Tới đây, chính phủ Liên Xô sẽ cho bán cổ phần một số xí nghiệp quốc doanh, dự định thu về 12 tỉ rúp. Qua hai hành động này, chính phủ dự trù sẽ thu về được 41 tỉ rúp nhân rồi này. Thế nhưng, theo Viện sĩ Anatoli Dériabine "có khả năng phân nửa số cổ phần sẽ không có người mua". Trong bối cảnh của Liên bang Nga, tình hình cũng không sáng sủa gì lắm, sản lượng hàng tiêu dùng sẽ giảm từ 25 đến 30% và số người thất nghiệp suýt soát 4 triệu người. Mà Liên bang Nga lại là xương sống của nền kinh tế Liên Xô.

CHÂU Á

Trong hội nghị 7 nước công nghiệp (G7) vừa qua (23-24.1.1991), những bản báo cáo tỉ lệ tăng trưởng tổng sản lượng quốc dân sẽ chậm lại 3,5-4% trong hai năm 91, 92, so với 5% trong năm vừa qua.

Nam Triều Tiên thì than rằng số đầu tư nước ngoài trong năm 1990 giảm xuống còn 803 triệu dollars so với 1,09 tỉ dollars trong năm 1989. Lý do là các nhà đầu tư nước ngoài đã nhắm đến các mục tiêu khác lợi nhuận hơn như Đông Âu và Đông Nam Á (The Nation 25.1.1991)

Các nước ASEAN vẫn chưa đồng đều trong mọi lĩnh vực. Philippin dẫn đầu với tỉ lệ lạm phát 14% trong 9 tháng đầu năm 1990. Indonesia lạm phát 9%. Thái Lan lạm phát 6,8%. Malaysia lạm phát 3%. Singapore lạm phát chỉ 2,4%. Trong lĩnh vực xuất khẩu, Indonesia và Malaysia là hai nước dẫn đầu về mức tăng: Indonesia tăng 20% năm 1990 và dự trù tăng 21,5% năm 1991; Malaysia tăng 15% năm 1990. Tuy nhiên, cả hai nước này vẫn còn thâm thủng ngoại thương ở mức trên dưới 1 tỉ dollars. Bộ ba Philippin, Singapore, Thái Lan lại suy thoái xuất khẩu. Philippin giảm xuất khẩu (từ tỉ lệ 23,7% năm 1988, còn 10,6% năm 89 và 3,6% năm 90). Singapore sau khi xuất khẩu tăng 38,3% năm 88 sau năm 1989 chỉ tăng 13,8%, năm 1990 lên được một chút 15%. Thái Lan tuột nhiều, chưa công bố rõ ràng. (The Nation, 18.1.1991). Hongkong giảm tăng trưởng xuất khẩu từ 30,3% năm 88, còn 15,8% năm 1989 và xuống còn 10,7% năm 1990.

DANH ĐỨC

